



Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam



QUY CHẾ QUẢN TRỊ MSB

MÃ SỐ: QC.HC.003



LẦN BAN HÀNH: 05 - HÀ NỘI 2023

THÔNG TIN VỀ VĂN BẢN

1	Tên văn bản	Quy chế quản trị MSB		Ghi chú	
2	Mã số	QC.HC.003			
3	Cấp ban hành	Hội đồng Quản trị			
4	Cấp thông qua (nếu có)	Đại hội đồng Cổ đông	Ngày 26/09/2023		
5	Người ký ban hành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Trần Anh Tuấn		
6	Lần ban hành	05			
7	Ngày ban hành	26/09/2023			
8	Ngày hiệu lực	26/09/2023			
9	Đơn vị soạn thảo – Người soạn thảo – Người kiểm tra	Văn phòng HĐQT	Nguyễn Thị Mến - CVCC Văn phòng HĐQT	Chữ ký: 	Đồng ý <input checked="" type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
			Đặng Thị Hoài Thu - CVP HĐQT	Chữ ký:	Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Khối Tư vấn pháp lý và tuân thủ	Lại Thanh Mai Giám đốc TVPL&TT	Chữ ký: 	Đồng ý <input checked="" type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
11	Thay thế văn bản	Quy chế quản trị MSB	Lần ban hành số: 04	01	
12	Tóm tắt lý do ban hành	Theo Tờ trình số 90/2023/TT-HĐQT V/v Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ và Quy chế Quản trị MSB, Quy chế Tổ chức hoạt động của HĐQT MSB	Cấp trình: Hội đồng Quản trị	Ngày: 12/09/2023	

MỤC LỤC

Chương I:.....	6
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	6
Điều 1. Mục đích, đối tượng và phạm vi điều chỉnh.....	6
Điều 2. Tài liệu tham chiếu.....	7
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	7
Chương II:	8
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	8
Điều 5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.....	9
Điều 6. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	10
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	11
Điều 8. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông.....	12
Điều 9. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông.....	13
Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 11. Đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông.....	14
Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	14
Điều 13. Thể thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 14. Biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 15. Kiểm phiếu tại Đại hội đồng Cổ đông.....	16
Điều 16. Điều kiện để quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua.....	16
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	17
Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	17
Điều 19. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	17
Điều 20. Thông báo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	18
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	19
Chương III:	21
Điều 22. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	21
Điều 23. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 24. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 26. Ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị.....	25
Điều 27. Giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị.....	26
Điều 28. Bầu thành viên Hội đồng Quản trị.....	27

Điều 29. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.....	27
Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.	28
Điều 31. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	28
Điều 32. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	30
Điều 33. Bộ máy giúp việc Hội đồng Quản trị	30
Chương IV:.....	30
TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP VÀ LẤY Ý KIẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ....	30
Điều 34. Họp Hội đồng Quản trị	30
Điều 35. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị	31
Điều 36. Biểu quyết tại phiên họp Hội đồng Quản trị.....	32
Điều 37. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	33
Điều 38. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị.....	34
Điều 39. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.....	34
Chương V:.....	34
Điều 40. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	34
Điều 41. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	35
Điều 42. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Ban Kiểm soát.....	36
Điều 43. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát.....	36
Điều 44. Ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát.....	36
Điều 45. Giới thiệu ứng viên thành viên Ban Kiểm soát.....	38
Điều 46. Bầu thành viên Ban Kiểm soát	38
Điều 47. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Ban Kiểm soát	38
Điều 48. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	39
Điều 49. Thù lao và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát.....	40
Chương VII:.....	40
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....	40
Điều 50. Tiêu chuẩn đối với kiểm toán viên nội bộ, Trưởng kiểm toán nội bộ và Phó trưởng kiểm toán nội bộ	40
Điều 51. Cơ cấu của Kiểm toán Nội bộ.....	40
Điều 52. Quyền và trách nhiệm của Kiểm toán Nội bộ.....	40
Chương VIII:.....	41
LỰA CHỌN VÀ BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH MSB	41
Điều 53. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	41
Điều 54. Tiêu chuẩn Người điều hành MSB.....	42

Điều 55. Bổ nhiệm Người điều hành MSB.....	43
Điều 56. Ký hợp đồng lao động với Người Điều hành MSB	43
Điều 57. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	43
Điều 58. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	44
Điều 59. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	44
Chương IX:.....	44
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	44
Điều 60. Nguyên tắc phối hợp.....	44
Điều 61. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.....	44
Điều 62. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	45
Điều 63. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	46
Chương X:	47
ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA MSB.....	47
Điều 64. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.....	47
Điều 65. Tiêu chí đánh giá hoạt động	47
Điều 66. Khen thưởng	47
Điều 67. Kỷ luật	48
Chương XI:.....	48
LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ.....	48
Điều 68. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị.....	48
Điều 69. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị.....	48
Điều 70. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị.....	49
Điều 71. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị	49
Điều 72. Thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị.....	49
Chương XII:.....	49
Điều 73. Điều khoản thi hành.	49

QUY CHẾ QUẢN TRỊ MSB

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng 2010, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200124891, thay đổi lần thứ 26, ngày 13/01/2023 của MSB;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 31A/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/09/2023 về việc ban hành Quy chế Quản trị MSB;
- Để phục vụ công tác quản trị của MSB;

QUY ĐỊNH:

Chương I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này được ban hành nhằm điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (MSB).
2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành

viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ MSB và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan của MSB.

Điều 2. Tài liệu tham chiếu¹

1. Văn bản quy phạm pháp luật:

- a) Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- b) Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế;
- c) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- d) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- e) Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- a) Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Văn bản định chế:

- a) Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 31A/NQ-DHĐCĐ ngày 26/09/2023;
- b) Các văn bản định chế khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Giải thích từ ngữ:

2. Các từ ngữ viết tắt:

- a) MSB: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam.
- b) NHNN: Ngân hàng Nhà nước.
- c) TCTD: Tổ chức tín dụng.

¹ Trong trường hợp các văn bản tại phần tài liệu tham chiếu bị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì Quy chế này được tự động tham chiếu tới văn bản đang có hiệu lực thi hành.

Chương II:

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông²

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của MSB. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
2. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của MSB;
 - b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của MSB;
 - c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, quy chế quản trị nội bộ;
 - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB;
 - e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho MSB và Cổ đông của MSB;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của MSB;
 - h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của MSB;
 - l) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - m) Quyết định thành lập công ty con;
 - n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

² Điều 59 Luật CTCTD 2010, Điều 138, 140 Luật DN 2020

- o) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của MSB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa MSB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ; công ty con, công ty liên kết của MSB ;
- q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản MSB;
- r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của MSB;
- s) Thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xây dựng Quy chế Tài chính của MSB;³
- t) Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của MSB, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết⁴;
- u) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông⁵

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 24 Điều lệ MSB và triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của MSB;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ MSB;
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e) Theo yêu cầu của NHNN.⁶
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn tối thiểu là 40 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi

³ Điều 28 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP

⁴ Điểm m Khoản 2 Điều 138 Luật DN 2020

⁵ Khoản 1 Điều 59 Luật CTCTD 2010; Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020; Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018

⁶ Điều 60 Luật CTCTD 2010

thường thiệt hại phát sinh đối với MSB.

3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ MSB.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với MSB.

4. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ MSB đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ MSB.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

5. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ MSB.
6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này sẽ được MSB hoàn lại.

Điều 6. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁷

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.
2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất 20 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi, bao gồm cả gửi qua email của cổ đông hoặc chuyên đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của MSB

⁷ Điều 141 Luật DN 2020

Tài liệu này là tài sản của MSB, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của MSB và Pháp luật

đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MSB; tên, địa chỉ liên lạc của Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông, thời gian chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông và những nội dung khác.
5. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của MSB. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong không quá 10 ngày trước ngày mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp.

Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên website của MSB.

Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển trực tiếp có xác nhận hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho MSB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ email, thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ email đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong MSB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín và gửi trực tiếp tại nơi làm việc.

2. Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất 20 ngày trước ngày chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của MSB đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MSB; tên, địa chỉ thường trú của Cổ

đồng hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông, thời gian chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông và những nội dung khác.

Điều 8. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông⁸

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của MSB, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi MSB đóng trụ sở chính.

Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho MSB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ email, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ email đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong MSB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín và gửi trực tiếp tại nơi làm việc.

2. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất 21 ngày⁹ trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của MSB, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MSB; tên, địa chỉ liên lạc của Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
4. Kèm theo Thông báo mời họp phải có phiếu biểu quyết, chương trình họp, các tài liệu khác làm cơ sở thông qua quyết định, dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Trong trường hợp các tài liệu này không được gửi kèm Thông báo mời họp, MSB phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận tài liệu.

⁸ Điều 143 Luật DN 2020

⁹ Khoản 1 Điều 143 Luật DN 2020

5. Ngoài các phương thức trên, Thông báo mời họp có thể gửi đến cổ đông bằng các phương thức khác (bao gồm cả các phương thức điện tử khác) theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông¹⁰

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết, quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ MSB có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến MSB chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại MSB, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.
5. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo quyết định cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi

¹⁰ Điều 142 Luật DN 2020

vào phòng họp.

Điều 11. Đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông¹¹

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ MSB.
2. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông, MSB phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt trước giờ dự kiến khai mạc cuộc họp đăng ký hết.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông¹²

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba phải được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

¹¹ Điều 145 và Điều 146 Luật DN 2020

¹² Điều 145 Luật DN 2020

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 28 Điều lệ MSB. Việc thay đổi nội dung chương trình họp phải được trên 50% tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp đồng ý.

Điều 13. Thẻ thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.¹³

Điều 14. Biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông

1. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, MSB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Thẻ biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ MSB. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí thể lệ bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
4. Trong trường hợp đặc biệt (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...), cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với trực tuyến để tạo điều kiện cho các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền vẫn có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông. Cách thức tổ chức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với trực tuyến do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và ghi rõ trong Thông báo mời họp.

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

¹³ Điểm a khoản 3 Điều 59 Luật CTCTD; khoản 1 Điều 147 Luật DN 2020

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
- d) Điều kiện tiến hành;
- e) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
- f) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến hoặc kết hợp bỏ phiếu với bỏ phiếu trực tuyến;
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến hoặc kết hợp kiểm phiếu với kiểm phiếu trực tuyến;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông;
- j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 15. Kiểm phiếu tại Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
2. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành quyết định được đếm trước, số thẻ phản đối quyết định và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản đối hoặc không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, phản đối và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp.

Điều 16. Điều kiện để quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua

1. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây: ¹⁴
 - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, h, o và q khoản 4 Điều 24 Điều lệ MSB thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - c) Đối với các vấn đề quy định tại các điểm a, d, f và q khoản 4 Điều 24 Điều lệ MSB phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội

¹⁴ Các điểm b và Điểm c khoản 3 Điều 59 Luật CTCTD 2010

đồng Cổ đông.

2. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 51% hoặc 65% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này.
3. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
4. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành¹⁵.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu¹⁶

Kết quả kiểm phiếu từng vấn đề làm việc của Đại hội đồng Cổ đông được trưởng Ban kiểm phiếu báo cho chủ tọa phiên họp Đại hội đồng Cổ đông đọc tại phiên họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông¹⁷

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm Phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Các trường hợp có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB;
 - b) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết, quyết định và nội dung nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ MSB.

Điều 19. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông¹⁸

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của MSB và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận

¹⁵ Khoản 6 Điều 148 Luật DN 2020

¹⁶ Khoản 5 Điều 148 Luật DN 2020

¹⁷ Điều 151 Luật DN 2020

¹⁸ Điều 150 Luật DN 2020

- đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp thì Biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp¹⁹.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và biên bản tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị ký biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB.

Điều 20. Thông báo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông²⁰

Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông và Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể

¹⁹ Khoản 1 Điều 150 Luật DN 2020

²⁰ Khoản 5 Điều 148 Luật DN 2020

từ ngày nghị quyết, quyết định được thông qua. Việc gửi quyết định của Đại hội đồng Cổ đông đến Cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MSB.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông²¹

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của MSB, trừ các trường hợp quy định tại các điểm a, d, f và q khoản 4 Điều 24 Điều lệ MSB.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của từng Cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MSB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của Cổ đông là tổ chức; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về MSB Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSB.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về MSB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Trường hợp Phiếu lấy ý kiến gửi về MSB qua fax hoặc thư điện tử thì các Phiếu này phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các Phiếu lấy ý kiến gửi về MSB sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều

²¹ Điều 149 Luật Doanh nghiệp; Điều 59 Luật CTCTD 2010

không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý, điều hành của MSB. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành²².
7. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản²³.
8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp MSB có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MSB.
9. Tất cả các quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được gửi đến NHNN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.²⁴

²² Khoản 4 Điều 148 Luật DN 2020

²³ Khoản 6 Điều 148 Luật DN 2020

²⁴ Điều 61 Luật CTCTD 2010

10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời²⁵ hoặc gửi qua email, fax biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB.

Chương III:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của MSB, có toàn quyền nhân danh MSB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị:
 - a) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
 - b) Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
 - c) Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
 - d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị, Người phụ trách quản trị MSB và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ của MSB.
 - e) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - f) Cử người đại diện vốn góp của MSB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
 - g) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MSB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MSB quy định tại điểm o khoản 4 Điều 24 Điều lệ MSB.
 - h) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ MSB.
 - i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của MSB trở lên, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ MSB.
 - j) Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

²⁵ Bao gồm cả dưới hình thức email

- k) Phê duyệt kế hoạch vốn theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
- l) Thông qua các hợp đồng của MSB với công ty con, công ty liên kết của MSB; các hợp đồng của MSB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- m) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
- n) Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của MSB, bao gồm thẩm quyền quyết định mức bồi thường thiệt hại, tổn thất phát sinh trong quá trình kinh doanh và xử lý rủi ro. Hội đồng Quản trị có thể phân cấp thẩm quyền ban hành các quy định nội bộ cho các cấp có thẩm quyền khác của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.
- o) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của MSB.
- p) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
- q) Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- r) Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- s) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
- t) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của MSB.
- u) Quyết định mua lại cổ phần của MSB.
- v) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- w) Lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của MSB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính²⁶.
- vv) Quyết định về việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi và/hoặc không kèm chứng quyền của MSB, bao gồm nhưng không giới hạn: quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu,...

- x) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
- y) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- z) Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- à) Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
- ã) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến MSB.
- ô) Đảm bảo hoạt động của MSB tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của MSB.
- dd) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công thường xuyên và/hoặc theo vụ việc của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 23. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của MSB và Cổ đông.
2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành MSB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường.
4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
5. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
7. Có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của MSB và của các đơn vị trong MSB.
8. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của MSB.

9. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng Quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của MSB (nếu có).
10. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của MSB theo quy định của pháp luật.
11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành MSB.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của MSB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ MSB.
2. Có đạo đức nghề nghiệp;
3. Có bằng đại học trở lên;
4. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán²⁷.
5. Đối với thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập dưới đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho MSB hoặc công ty con của MSB hoặc đã làm việc cho MSB hoặc công ty con của MSB trong 03 năm liền kề trước

²⁷ Khoản 1 Điều 50 Luật CTCTD 2010

đó;

- b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của MSB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của MSB, Người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của MSB hoặc công ty con của MSB;
- d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MSB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MSB;
- e) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của MSB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 26. Ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo tỷ lệ như sau:²⁸
 - a) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - b) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - c) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - d) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - e) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - f) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - g) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - h) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;
 - i) Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà Cổ đông được quyền đề cử theo Điều lệ MSB (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập) hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát đề cử và công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm

²⁸ Điều 1154 Luật DN 2020

soát theo quy định của pháp luật. Thủ tục đề cử được thực hiện theo Điều 38 Điều lệ MSB và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ²⁹.

2. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị MSB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN chậm nhất là 30 ngày³⁰ trước ngày tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do;
5. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, MSB phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của MSB để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của MSB nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích liên quan tới MSB và các bên có liên quan của MSB;
 - f) Các thông tin khác (nếu có).

MSB phải đảm bảo Cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới MSB của ứng viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

Điều 27. Giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị³¹

²⁹ Điều 115 Luật DN 2020

³⁰ Điều 51 Luật CTCTD 2010

³¹ Khoản 1 Điều 59 Luật CTCTD 2010; Điều 140 Luật DN 2020

Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông cung cấp danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị gửi cùng thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ MSB.

Điều 28. Bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại khoản 3 Điều 26 Quy chế này. MSB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ MSB. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí thể lệ bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 29. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách³²:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ MSB về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của MSB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức;
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Khi MSB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm³³:
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

³² Khoản 1 Điều 35 Luật CTCTD 2010

³³ Điều 36 Luật CTCTD 2010;

- b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 25 Quy chế này;
 - e) Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập;
 - f) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).
3. Các trường hợp bổ sung³⁴:
- a) Số thành viên Hội đồng Quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị không đủ số thành viên tối thiểu là 05 thành viên
 - c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, MSB phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị, MSB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên.³⁵
2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị của MSB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.³⁶

Điều 31. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm khi thuộc

³⁴ Điều 43 Luật CTCTD 2010;

³⁵ Điều 51 Luật CTCTD 2010;

³⁶ Khoản 3 Điều 36 Luật CTCTD 2010

một trong các trường hợp sau:³⁷

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị của MSB;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Điều lệ MSB;
 - e) Chủ tịch là thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập;
 - f) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).
4. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSB phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.³⁸
 5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều này, Hội đồng Quản trị của MSB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.³⁹
 6. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

³⁷ Khoản 1 Điều 36 Luật CTCTD 2010

³⁸ Khoản 2 Điều 36 Luật CTCTD 2010

³⁹ Khoản 3 Điều 36 Luật CTCTD 2010

Điều 32. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả và hiệu quả kinh doanh trong năm tài chính phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 33. Bộ máy giúp việc Hội đồng Quản trị

1. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
2. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.
3. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị MSB. Người phụ trách quản trị MSB có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
4. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của MSB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương IV:

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP VÀ LẤY Ý KIẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Họp Hội đồng Quản trị⁴⁰

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các, quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của MSB hoặc ở nơi khác.
 - a) Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần kể cả dưới hình thức họp trực tuyến hoặc các hình thức khác mà pháp luật cho phép.
 - b) Cuộc họp bất thường của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết.

⁴⁰Điều 157 Luật DN 2020;

c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

3. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MSB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
4. MSB có quyền ban hành quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử, phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại MSB.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
7. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 35. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị

Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị

trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 36. Biểu quyết tại phiên họp Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp không trực tiếp dự họp vì lý do bất khả kháng, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền dự họp và biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận đồng thời vẫn đảm bảo có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản bao gồm cả việc gửi qua fax, email, phương thức điện tử hoặc phương tiện khác Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ dự kiến khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
2. Biểu quyết:
 - a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của MSB;
 - c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ MSB sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với MSB và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Điều 37. Biên bản họp Hội đồng Quản trị⁴¹

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các quyết định đã được thông qua;
 - i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
2. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, Thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với MSB do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật, Điều lệ MSB và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, Thư ký và những người ký tên trên biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
5. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó

⁴¹Điều 158 Luật DN 2020;

7. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của MSB.

Điều 38. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị

Trình tự và thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị MSB.

Điều 39. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị

1. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp.
2. Quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong quyết định đó.

Chương V:

BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:
 - a) Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ MSB trong quản trị, điều hành MSB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
 - b) Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
 - c) Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành MSB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
 - d) Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của MSB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.

- e) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của MSB khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
- f) Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành MSB có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
- g) Lập danh sách Cổ đông sáng lập, Cổ đông lớn, những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MSB, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- h) Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ MSB và quy định của pháp luật.
- i) Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có nghị quyết, quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ MSB.
- j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
- k) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 41. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát⁴²

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ MSB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của MSB và Cổ đông.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của MSB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

⁴² Điều 47 Luật CTCTD 2010

8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 42. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Ban Kiểm soát⁴³

1. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Ban Kiểm soát của MSB có từ 03 đến 05 thành viên trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách và phải thường trú ở Việt Nam⁴⁴; không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại MSB hoặc doanh nghiệp khác.

Điều 43. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát⁴⁵

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ MSB.
2. Có đạo đức nghề nghiệp;
3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của Người quản lý MSB;
5. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo tỷ lệ như sau: ⁴⁶
 - a) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - b) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - c) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - d) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

⁴³ Điều 44 Luật CTCTD 2010

⁴⁵ Điều 50 Luật CTCTD 2010

⁴⁶ Điều 115 Luật DN 2020

- e) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - f) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - g) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - h) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;
 - i) Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà Cổ đông được quyền đề cử theo Điều lệ MSB thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát đề cử. Thủ tục đề cử được thực hiện theo Điều 38 Điều lệ MSB và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ⁴⁷.
2. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị MSB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Ban Kiểm soát; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
 3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN chậm nhất là 30 ngày trước ngày tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Ban Kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
 4. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do;
 5. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, MSB phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của MSB để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;

⁴⁷ Điều 115 Luật DN 2020

- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích liên quan tới MSB và các bên có liên quan của MSB;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ MSB.

MSB phải đảm bảo Cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới MSB của ứng viên Ban Kiểm soát (nếu có)..

Điều 45. Giới thiệu ứng viên thành viên Ban Kiểm soát⁴⁸

Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông cung cấp danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát gửi cùng thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ MSB.

Điều 46. Bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại khoản 3 Điều 44 Quy chế này.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ MSB. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí thể lệ bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 47. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ MSB về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của MSB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

⁴⁸ Khoản 1 Điều 59 Luật CTCTD 2010; Điều 140 Luật DN 2020;

- d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức;
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Khi MSB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm⁴⁹:
- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 43 Quy chế này;
 - e) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).
4. Các trường hợp bổ sung:
- d) Số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ;
 - e) Số thành viên Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu là 03 thành viên
 - f) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, MSB phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 48. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Ban Kiểm soát, MSB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên.⁵⁰
2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị của MSB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.⁵¹

⁴⁹ Điều 36 Luật CTCTD 2010;

⁵⁰ Điều 51 Luật CTCTD 2010;

⁵¹ Khoản 3 Điều 36 Luật CTCTD 2010

m

Điều 49. Thù lao và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả và hiệu quả kinh doanh trong năm tài chính phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương VII:

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 50. Tiêu chuẩn đối với kiểm toán viên nội bộ, Trưởng kiểm toán nội bộ và Phó trưởng kiểm toán nội bộ⁵²

1. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có bằng đại học trở lên về ngành công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành phù hợp đối với kiểm toán viên công nghệ;
2. Có kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên nội bộ và 03 năm đối với Trưởng kiểm toán nội bộ; có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên công nghệ.

Điều 51. Cơ cấu của Kiểm toán Nội bộ⁵³

1. Kiểm toán nội bộ của MSB được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát, thực hiện kiểm toán nội bộ MSB.
2. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc MSB.

Điều 52. Quyền và trách nhiệm của Kiểm toán Nội bộ

Trên nguyên tắc độc lập, khách quan, chuyên nghiệp, Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán nội bộ đối với trụ sở chính, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc khác của MSB; theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), các cá nhân, bộ phận; thực hiện các kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với kiểm toán nội bộ; lập báo cáo về kiểm toán nội bộ theo quy định; xây dựng, rà soát để trình Ban Kiểm soát ban hành, sửa đổi, bổ sung: chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban Kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ theo quy định, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, kế hoạch kiểm toán nội bộ; và các nhiệm vụ khác do Ban Kiểm soát quy định.

⁵² Điều 66 Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

⁵³ Điều 41 Luật CTCTD 2010

Chương VIII:

LỰA CHỌN VÀ BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH MSB

Điều 53. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc⁵⁴

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MSB, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ MSB. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho MSB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho MSB.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc⁵⁵:
 - a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
 - b) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của MSB.
 - c) Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
 - d) Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
 - e) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
 - f) Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của MSB.
 - g) Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
 - h) Phê duyệt kế hoạch cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới.
 - i) Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của MSB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
 - j) Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ MSB.
 - k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của MSB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
 - l) Ký kết hợp đồng nhân danh MSB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của MSB.

⁵⁴ Điều 162 Luật DN 2020

⁵⁵ Điều 49 Luật CTCTD 2010; Điều 162 Luật DN 2020

- m) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của MSB.
- n) Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền.
- o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 54. Tiêu chuẩn Người điều hành MSB⁵⁶

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ MSB;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
 - d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định dưới đây:
 - Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
 - Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
 - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
 - Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này.

⁵⁶ Điều 50 Luật CTCTD 2010

- b) Đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc thì phải là người không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ MSB.
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.
- d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 55. Bổ nhiệm Người điều hành MSB⁵⁷

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bổ nhiệm.⁵⁸
2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quy định nội bộ của MSB.

Điều 56. Ký hợp đồng lao động với Người Điều hành MSB⁵⁹

Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc và người điều hành theo quy định nội bộ của MSB về quản lý nhân sự.

Điều 57. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách⁶⁰:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ MSB về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của MSB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức;
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Khi MSB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

⁵⁷ Điều 63 Luật CTCTD 2010

⁵⁸ Khoản 1 Điều 48, Điều 51 Luật CTCTD 2010

⁵⁹ Điều i khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020

⁶⁰ Khoản 1 Điều 35 Luật CTCTD 2010

172

- g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm⁶¹:
- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 54 Quy chế này;
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).

Điều 58. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, MSB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách người được bổ nhiệm vào chức danh nêu trên.⁶²
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị của MSB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.⁶³

Điều 59. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tiền lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của MSB và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên

Chương IX:

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 60. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của MSB;
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan và của MSB;
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi cùng nhau tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 61. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

- Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp Ban Kiểm soát yêu cầu.

⁶¹ Điều 36 Luật CTCTD 2010;

⁶² Điều 51 Luật CTCTD 2010;

⁶³ Khoản 3 Điều 36 Luật CTCTD 2010

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường khi có đề nghị của Ban Kiểm soát. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
3. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MSB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
4. Thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Các quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.
6. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do MSB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
7. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của MSB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của MSB trong giờ làm việc.
8. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của MSB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
9. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện Người quản lý MSB có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

Điều 62. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MSB, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ MSB.
2. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị.
3. Tổng Giám đốc lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài

chính khác.

4. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động và kết quả kinh doanh của MSB.
5. Tổng Giám đốc quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
6. Tổng Giám đốc kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của MSB trình Hội đồng Quản trị quyết định theo thẩm quyền.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường khi có đề nghị của Tổng Giám đốc. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
8. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại khoản 7 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MSB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
9. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 63. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MSB, chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát.
2. Tổng Giám đốc báo cáo Ban Kiểm soát về hoạt động và kết quả kinh doanh của MSB.
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do MSB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Tổng Giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của MSB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Chương X:

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA MSB

Điều 64. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:
 - a) Tự nhận xét đánh giá;
 - b) Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
 - c) Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
 - d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
 - e) Cách thức khác do Hội đồng Quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
2. Hội đồng Quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị bầu, bổ nhiệm.
3. Ban Kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ.

Điều 65. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ của MSB, quy định, chính sách của MSB và quy định của pháp luật.
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc.
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị với các đơn vị khác và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 66. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành MSB và các

nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và MSB.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định về thi đua khen thưởng của MSB tại từng thời kỳ.

Điều 67. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định khác có liên quan của MSB, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của MSB.
2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và Nội quy Lao động của MSB tại từng thời kỳ.

Chương XI:

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ

Điều 68. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị

Người phụ trách quản trị MSB phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật.
2. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của MSB.
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ MSB và quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 69. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị

1. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa MSB và Cổ đông.
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
4. Tham dự các cuộc họp.
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và của Ban Kiểm soát.

7. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của MSB.
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ MSB.
10. Bảo đảm toàn bộ bản sao các nghị quyết, quyết định, biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho Cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB.

Điều 70. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị MSB để hỗ trợ hoạt động quản trị MSB được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Người phụ trách quản trị MSB có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
3. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

Điều 71. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị

Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị MSB khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị MSB tùy từng thời điểm.

Điều 72. Thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Người phụ trách quản trị, nghị quyết, quyết định này phải được đăng tải trên website của MSB.

Chương XII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 73. Điều khoản thi hành.

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông MSB thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 31A/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/09/2023 và thay thế Quy chế quản trị MSB số QC.HC.003 lần 4 ngày 25/04/2022.
2. Những vấn đề chưa được đề cập trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định khác có liên quan của Pháp luật và của Điều lệ MSB. Trường hợp có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của pháp luật hoặc Điều

